

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC DÙNG NƯỚC TỈNH BẮC KẠN

ThS. Trần Việt Dũng, ThS. Lê Thị Phương Nhung
Trung tâm PIM

Tóm tắt: Phần lớn người dân tỉnh Bắc Kạn sống dựa vào sản xuất nông nghiệp, do điều kiện địa hình phức tạp, hệ thống công trình thủy lợi chưa đáp ứng được canh tác chủ động nên năng suất sản lượng vẫn chưa cao. Nhằm thúc đẩy phát triển quản lý công trình thủy lợi một cách hiệu quả bền vững, đáp ứng được các chủ trương chính sách của Nhà nước, tỉnh đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ thúc đẩy công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Bài báo này phân tích thực trạng chính sách, hệ thống thủy lợi và tổ chức quản lý đối với công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp, khuyến nghị nhằm thúc đẩy phát triển các tổ chức dùng nước tại tỉnh.

Từ khóa: Tổ chức dùng nước, phân cấp, thủy lợi phí

Abstract: The majority of people in Bac Kan Province depends on agricultural production; due to complex terrain conditions, the irrigation system has not met demands of initiative farming, leading to the low yield and productivity. To promote the development of irrigation management in a sustainable and efficient manner, meeting policies and advocacies of the Government, the province has issued many policies to support the management and exploitation of irrigation works. This paper analyzes the current policies, status of irrigation systems and the management organization of irrigation works. On that basis we proposed some solutions and recommendations to promote the development of water user organizations in the province.

Keywords: Water user organization, decentralization, irrigation charges

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về tăng cường quản lý khai thác công trình thủy lợi, bởi đầu tư không đi kèm với quản lý công trình không phát huy hết hiệu quả và công trình xuống cấp và hư hỏng nhanh chóng. Các chính sách như: Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Đề án Tái cơ cấu ngành thủy lợi; Đề án nâng cao hiệu quả quản lý công trình thủy lợi hiện có; Nghị định miễn giảm thủy lợi phí (trước Nghị định 115/2008, hiện nay là Nghị định 67/2012); Thông tư 65/2009 về phân cấp quản lý công trình thủy lợi của Bộ Nông nghiệp và PTNT đã xác định

một trong những định hướng quan trọng để nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi là xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi nội đồng và củng cố, phát triển các tổ chức thủy nông cơ sở, góp phần quan trọng trong việc quản lý khai thác công trình thủy lợi nội đồng, duy trì phát huy hiệu quả trực tiếp đối với sản xuất nông nghiệp. Do vậy, tăng cường sự tham gia của người dân vào công tác quản lý công trình thủy lợi là giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả tưới, giảm gánh nặng về chi phí cho Nhà nước.

Chính sách miễn giảm thủy lợi phí với mục tiêu giảm nhẹ đóng góp của người dân đối với dịch vụ tưới tiêu do các tổ chức nhà nước thực hiện. Với việc được giảm mức đóng góp cho Nhà nước trong khi được hưởng dịch vụ tưới tiêu, người dân có khả

Người phản biện: PGS.TS. Đoàn Thế Lợi

Ngày nhận bài: 28/10/2015

Ngày thông qua phản biện: 9/11/2015

Ngày duyệt đăng: 15/12/2015

năng cũng như điều kiện tăng cường đóng góp cho phát triển thủy nông nội đồng cũng như tham gia quản lý để hiệu quả cấp thoát nước cao hơn. Ngoài việc hỗ trợ cho người dân một khoản kinh phí thì nghị định miễn giảm thủy lợi phí cũng nhằm tăng cường chất lượng của dịch vụ tưới tiêu thông qua việc đảm bảo duy tu bảo dưỡng công trình, cấp, thoát nước kịp thời. Các hệ thống công trình đã được bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên hơn, các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi từng bước được sắp xếp, củng cố và kiện toàn, kể các tổ chức hợp tác dùng nước; đời sống cán bộ công nhân quản lý khai thác công trình thủy lợi, cán bộ thủy nông cơ sở ngày càng ổn định và nâng cao.

Một số chính sách liên quan đến xây dựng nông thôn mới, chính sách phân cấp, chuyển đổi hợp tác xã theo mô hình mới đã tạo điều kiện thuận lợi để củng cố, thành lập được những tổ chức dùng nước vững mạnh ở nhiều địa phương trong cả nước. Tuy nhiên, ở một số địa phương trước đây chưa hình thành các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi, thì việc thực hiện theo các chính sách mới còn gặp nhiều khó khăn. Nguyên nhân chủ yếu là các tỉnh còn thiếu các chính sách quy định phát triển quản lý khai thác công trình thủy lợi, lúng túng trong việc tìm ra các mô hình tổ chức dùng nước phù hợp. Bài báo này phân tích thực trạng chính sách, hệ thống thủy lợi và tổ chức quản lý đối với công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp, khuyến nghị nhằm thúc đẩy phát triển các tổ chức dùng nước tại tỉnh.

2. HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH BẮC KẠN

Bắc Kạn là tỉnh miền núi nằm ở vùng Đông Bắc Việt Nam, có diện tích đất tự nhiên 4.859 km², dân số 300.000 người. Tổng diện tích gieo cấy lúa ruộng bình quân năm

đạt 21.557ha/năm, năng suất bình quân 46 tạ/ha/năm, sản lượng bình quân 100.273 tấn/năm (năm 2014). Toàn tỉnh có 999 công trình thủy lợi, trong đó có 31 hồ chứa, 946 đập dâng, kênh, 22 trạm bơm tưới phục vụ tưới tiêu cho khoảng 15.976,2 ha/22.300 ha lúa/năm. Các công trình hồ chứa chủ yếu các hồ có dung tích từ 0,2-0,6.10⁶ m³, chỉ có 2 hồ có dung tích trên 1 triệu m³ là hồ Bản Chang (H. Ngân Sơn), hồ Khuổi Khe (H. Na Rì). Các công trình trạm bơm bao gồm các loại trạm bơm điện, bơm dầu và bơm thủy luân, các trạm bơm nhỏ, diện tích tưới chỉ từ 3 đến 20 ha. Trên địa bàn tỉnh có tổng số 667 km kênh mương các loại. Trong đó đã kiên cố được 622,7km, đạt 93,4%.

2.1. Cơ chế chính sách về quản lý công trình thủy lợi

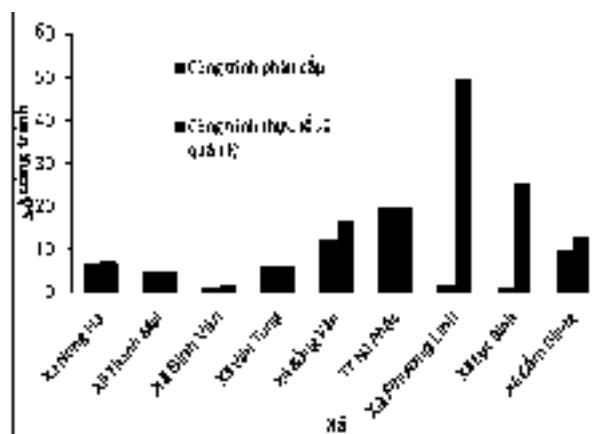
a, Về phân cấp công trình thủy lợi

Trước năm 2009, tỉnh Bắc Kạn chưa có đơn vị thực hiện quản lý, khai thác công trình thủy lợi, các công trình sau khi đầu tư xây dựng kiên cố được bàn giao cho Ủy ban nhân dân xã sở tại quản lý, khai thác và không thu thủy lợi phí. Trong bối cảnh nhiều chính sách lớn của Nhà nước ra đời, đặc biệt là Nghị định về miễn giảm thủy lợi phí và phân cấp quản lý công trình thủy lợi, năm 2009 tỉnh đã thành lập và giao nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) thủy nông Bắc Kạn và đến năm 2012 đã thành lập xong các Tổ chức dùng nước quản lý công trình thủy lợi nhỏ trên địa bàn tỉnh.

Công tác phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi ở tỉnh Bắc Kạn được thực hiện ban đầu theo Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 02/5/2012 về phê duyệt phân cấp quản lý công trình thủy lợi tỉnh Bắc Kạn và Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 về phê duyệt điều chỉnh danh mục công trình thủy lợi phân cấp quản lý tại Quyết định số

635. Theo các quy định này, công trình thủy lợi có quy mô tưới lớn hơn 5ha giao cho Công ty TNHH MTV thủy nông quản lý gồm 389 công trình, các công trình còn lại có quy mô nhỏ hơn 5ha giao cho Ủy ban nhân dân (UBND) các huyện thị quản lý khai thác gồm 303 công trình.

Ngày 26/3/2014, UBND tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Quyết định số 495/QĐ-UBND về việc phê duyệt phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, thay thế cho các Quyết định cũ. Theo đó, các công trình do Công ty TNHH MTV thủy nông Bắc Kạn được giao quản lý là 401 công trình, với tổng diện tích phục vụ tưới là 5.205,5 ha, các địa phương được giao quản lý là 598 công trình độc lập, với diện tích phục vụ tưới là 2.782,6 ha.



Hình 1: Thống kê công trình theo phân cấp và công trình thực tế tại địa phương

(Nguồn: Số liệu điều tra đánh giá thực địa năm 2015)

Số lượng các công trình phân cấp tăng theo hàng năm từ 754 (QĐ 635), 764 (QĐ 1876), 999 (QĐ 495). Số lượng các công trình này vẫn chưa phản ánh hết các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, thực tế tại 9 xã điều tra cho thấy, số lượng các công trình theo quyết định phân cấp là 61 công trình nhỏ hơn số các công trình thực tế xã đang quản lý là 145

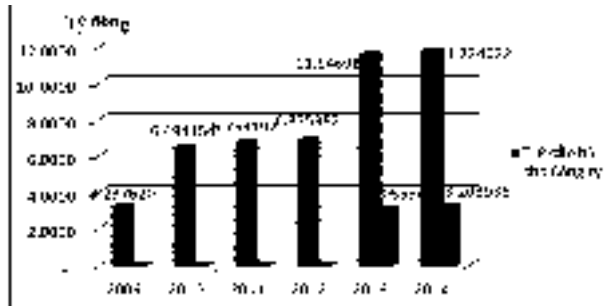
công trình (hình 1). Như vậy đã có một số lượng lớn các công trình chưa được đưa vào quyết định phân cấp, hay nói đúng hơn là một số các công trình vẫn chưa có chủ quản lý thực sự.

Các quyết định phân cấp của tỉnh chưa đưa ra được quy định cụ thể, dẫn đến nhiều công trình có tính chất kỹ thuật ít phức tạp vẫn chưa giao lại cho địa phương quản lý. Chưa có hướng dẫn định giá tài sản trước khi phân cấp nên việc thực hiện quản lý tài chính cũng như sửa chữa thường xuyên gặp nhiều khó khăn.

Vị trí cống đầu kênh của 727 công trình đã được xác định theo Quyết định 302/QĐ-UBND năm 2011. Tuy nhiên, việc đưa ra tiêu chí cống đầu kênh là điểm lấy nước vào ruộng đầu tiên từ đầu mối trở xuống là không phù hợp và khó để thực hiện do có những công trình điểm lấy nước ngay sau đập, lại có những công trình phải dẫn 1-2 km mới đến ruộng đầu tiên.

b, Về cơ chế tài chính

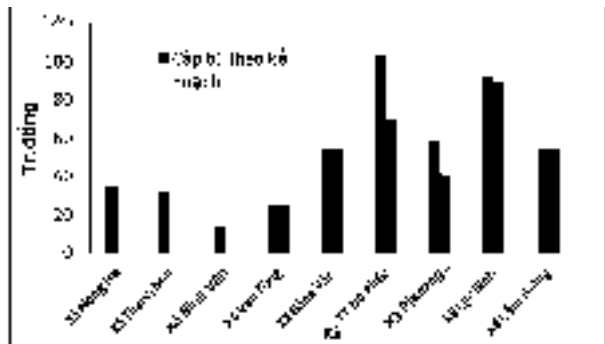
Từ khi chính sách miễn giảm thủy lợi phí được ban hành, tỉnh đã thực hiện việc miễn giảm thủy lợi phí cho khối Công ty thủy nông (năm 2009). Hàng năm, căn cứ theo biện pháp tưới và năng lực tưới của các công trình thủy lợi do Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn phối hợp Sở Tài chính tổng hợp trình UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành các quyết định về việc phê duyệt diện tích miễn thủy lợi phí trên địa bàn tỉnh. Kinh phí thủy lợi phí cấp bù của tỉnh được tăng lên theo các năm (hình 2). Tỉnh đã ban hành Quyết định số 302/QĐ-UBND ngày 25 tháng 2 năm 2011 về việc quy định mức thu tiền nước, mức trần phí dịch vụ lấy nước, danh mục công trình, biện pháp tưới và vị trí cống đầu kênh đối với các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.



Hình 2: Thủy lợi phí cấp bù qua các năm của tỉnh Bắc Kạn

(Nguồn: Chi cục thủy lợi và PCLB tỉnh Bắc Kạn)

Đối với khối Tổ chức dùng nước, sau khi được thành lập, đến năm 2014 một số địa phương mới thực hiện việc cấp bù thủy lợi phí. Tuy nhiên, nhiều địa phương vẫn còn lúng túng về thủ tục cấp và thanh quyết toán nên kinh phí vẫn chưa được sử dụng. Tại một số địa phương đã được cấp kinh phí chỉ sử dụng được khoảng 80% so với kinh phí được cấp, nguyên nhân là do phần chi phí cho công tác quản lý không có hướng dẫn thanh quyết toán nên khó thanh toán.



Hình 3. Thủy lợi phí cấp bù một số xã điều tra năm 2014

(Nguồn: Số liệu điều tra đánh giá thực địa năm 2015)

Kinh phí thủy lợi phí chi cấp đối với các công trình có nguồn gốc đầu tư từ ngân sách là chưa hợp lý theo quy định miễn giảm thủy lợi phí. Hầu hết kinh phí cấp bù cho các địa phương được sử dụng vào đầu tư xây dựng cơ bản, mặc dù sử dụng nguồn kinh phí cấp bù thủy lợi phí cho công tác xây dựng cơ bản không

sai về thủ tục xây dựng cơ bản nhưng chưa phù hợp với tính chất và mục đích của miễn giảm thủy lợi phí theo quy định.

Kinh phí thủy lợi phí cấp bù cho các địa phương nhỏ, thường chỉ từ 50 - 100 triệu/năm (hình 3) tùy theo diện tích tưới từng xã. Theo hướng dẫn, các Tổ chức dùng nước đang áp dụng hình thức chi theo tỉ lệ 80 – 20 (80% cho công tác sửa chữa, bảo dưỡng công trình; 20 % cho công tác quản lý).

2.2. Tổ chức quản lý công trình thủy lợi

Năm 2009, tỉnh Bắc Kạn thành lập Công ty TNHH MTV thủy nông Bắc Kạn trực thuộc Công ty Cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp Bắc Kạn. Đến nay Công ty TNHH MTV thủy nông Bắc Kạn được giao quản lý 401 công trình các loại, chiếm 41% tổng số công trình của tỉnh, phụ trách tưới cho 5.205,50 ha (70% diện tích tưới của tỉnh).

Các tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi ở địa phương chủ yếu là loại hình Tổ chức hợp tác dùng nước được thành lập theo Thông tư 75/2004/TT-BNN. Đến nay tỉnh đã thành lập được 118 tổ dùng nước/118 xã thị trấn có công trình thủy lợi. Cụ thể huyện Chợ Đồn 22/22 xã, Ba Bể 16/16 xã, Na Rì 22/22 xã, Pác Nặm 10/10 xã, Bạch Thông 17/17 xã, Ngân Sơn 11/11 xã, Chợ Mới 16/16 xã, thị xã Bắc Kạn 4/4 xã.

Kết quả điều tra tại 3 huyện và 9 xã cho thấy, tại huyện Chợ Mới và huyện Ngân Sơn thành lập các Tổ dùng nước quản lý công trình thủy lợi, còn huyện Bạch Thông thành lập Ban quản lý thủy nông. Về cơ bản 2 loại hình này có cơ cấu tổ chức và hình thức hoạt động theo mô hình chung với hình thức UBND xã làm việc kiêm nhiệm, có từ 5-7 thành viên: Trưởng ban (Tổ trưởng) là Phó chủ tịch UBND xã phụ trách nông nghiệp, Phó ban là cán bộ phụ trách thủy lợi nông nghiệp, kế toán là kế toán xã và các thành viên khác của xã. Ban sử dụng con dấu và trụ sở của UBND xã, mở tài khoản tại

kho bạc, có quy chế hoạt động được chủ tịch xã phê duyệt. Nguồn thu của Tổ chức dùng nước chủ yếu là nguồn cấp bù thủy lợi phí, hầu hết các xã không thu phí thủy lợi nội đồng, thay vào đó hàng năm Tổ chức dùng nước thường huy động lao động công ích các hộ dùng nước nạo vét công trình thủy lợi trước mỗi mùa vụ.

Ngoài ra, ở một số địa phương (huyện Bạch Thông) các xã còn thành lập các tổ thủy nông có quy mô theo thôn hoặc theo công trình, các tổ thủy nông này có 3-5 người trong đó trưởng thôn làm Tổ trưởng. Các tổ thủy nông do chủ tịch xã ra quyết định thành lập và không nằm trong Ban quản lý thủy nông xã, các tổ thủy nông này sẽ trực tiếp làm nhiệm vụ vận hành phân phối nước và đại diện cho người dân ký hợp đồng với Ban quản lý thủy nông xã trong việc cung cấp dịch vụ tưới. Ngoài ra các tổ thủy nông sẽ ký hợp đồng giao khoán thực hiện việc nạo vét các tuyến kênh.

3. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC DÙNG NƯỚC CHO TỈNH BẮC KẠN

3.1. Giải pháp phân cấp quản lý công trình thủy lợi

Cần nhanh chóng ban hành quy định phân cấp công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh để làm rõ trách nhiệm của các cấp trong quản lý, trên cơ sở đó giao công trình cho các chủ quản lý làm cơ sở cấp bù thủy lợi phí theo quy định. Do đặc tính kỹ thuật phức tạp liên quan đến cả việc quản lý vận hành và phòng chống thiên tai nên cần phân cấp các công trình hồ chứa cho Công ty TNHH MTV thủy nông Bắc Kạn quản lý. Việc phân cấp cần xem xét đến mức độ phức tạp của từng loại hình công trình, nhất là hồ chứa. Các hồ chứa nhỏ có dung tích <0,5 triệu m³, quản lý vận hành đơn giản, diện tích tưới ít, ảnh hưởng đến hạ du không lớn có thể phân cấp cho xã quản lý và bàn giao cho Tổ chức dùng nước quản lý. Đối với các loại hình công trình khác, phân cấp các công trình có thể dựa vào quy mô phục vụ tưới. Công trình có quy

mô trên 10ha nên cho Công ty TNHH MTV thủy nông Bắc Kạn quản lý và các công trình có quy mô dưới 10ha cho các Tổ chức dùng nước quản lý theo nguyên tắc: i) với công trình phức tạp có quy mô nhỏ hơn 10ha giao Công ty TNHH MTV thủy nông Bắc Kạn quản lý; ii) với công trình ít phức tạp có quy mô lớn hơn 10ha giao cho địa phương quản lý; iii) các công trình có quy mô trên 10ha hiện nay đã giao cho Tổ chức dùng nước quản lý theo quyết định cũ thì giữ nguyên (trừ công trình phức tạp).

Việc xác định vị trí công đầu kênh cần xem xét tổng thể các yếu tố như khối lượng công tác quản lý vận hành, khả năng đáp ứng của Tổ chức dùng nước quản lý và nguồn kinh phí được cấp đối với từng công trình. Có thể xem xét trên cơ sở chiều dài kênh mương, là vị trí 50% chiều dài kênh mương tính từ đầu mỗi đến mặt ruộng.

3.2. Cơ chế tài chính cho Tổ chức dùng nước

Chủ trương của Nhà nước là cấp bù thủy lợi phí trên phần diện tích được tưới, tiêu. Do vậy cần mở rộng phạm vi miễn giảm thủy lợi phí, áp dụng cho tất cả các công trình có nguồn vốn đầu tư trong và ngoài ngân sách. Trên cơ sở hướng dẫn Nhà nước về thủy lợi phí tỉnh cần xây dựng hướng dẫn liên sở (Nông nghiệp – Tài chính) về hướng dẫn việc sử dụng, thanh quyết toán nguồn thủy lợi phí, trong đó cần đề cập đến một số nội dung: quy trình cấp phát thủy lợi phí, quy định về quản lý sử dụng nguồn kinh phí cấp bù, tỉ lệ các khoản chi phí. Tỉ lệ chi của các Tổ chức dùng nước được quy định cụ thể tùy theo quy mô công trình do TCDN quản lý và được thành viên, người sử dụng nước thông qua. Theo đánh giá tại các địa phương trong vùng và tính toán mức chi cho các Tổ chức dùng nước tại Bắc Kạn thì tỉ lệ chi đề xuất như sau: về chi phí quản lý tối đa không quá 40% tổng chi phí cấp bù và chi các hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng tối thiểu không

thấp hơn 60% tổng chi phí cấp bù. Việc quyết định tỷ lệ chi cần được thông qua cuộc họp với người dùng nước và phải được đưa vào Quy chế hoạt động của Tổ chức dùng nước.

Đối với việc thu phí thủy lợi nội đồng, do số lượng công trình nhỏ lẻ chiếm đa số, có nhiều công trình có diện tích tưới chưa đến 1ha nên việc phí nội đồng rất khó khăn. Do vậy, quy định mức phí thủy lợi nội đồng cần phải hết sức linh hoạt, phù hợp với tình hình thu nhập của người dân, do đó cần phải tính toán cụ thể để đưa ra mức trần hợp lý. Ngoài ra, cần phải tính toán quy đổi giữa khoản nộp mức phí nội đồng và huy động lao động công ích.

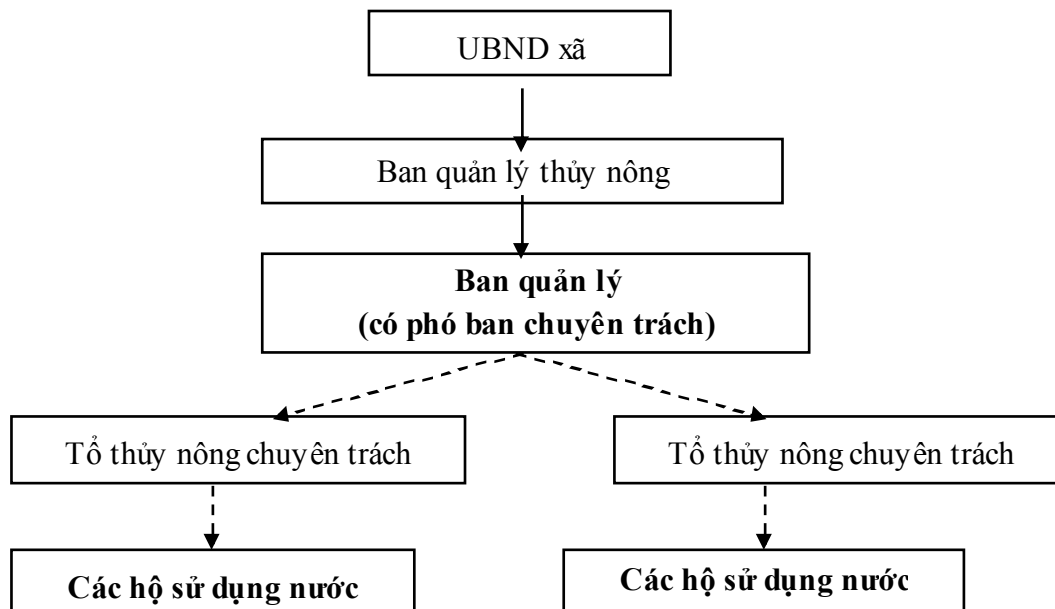
3.3. Mô hình tổ chức và hoạt động của tổ chức dùng nước

a, *Củng cố Ban quản lý thủy nông*

Loại hình Ban quản lý thủy nông hiện nay tại tỉnh phù hợp với xu thế chung của vùng miền núi phía Bắc. Do tính chất đặc thù các công trình miền núi ít phải quản lý, vận

hành, dẫn nước nên loại hình Ban quản lý thủy nông với cán bộ xã làm nhiệm vụ kiêm nhiệm cho thấy được hiệu quả trong việc huy động nhân lực vật lực vào công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả công trình thủy lợi một cách bền vững cần kiện toàn lại bộ máy tổ chức của các Tổ chức dùng nước, bổ sung thêm một phó ban chuyên trách (không phải là cán bộ kiêm nhiệm), tổ thủy nông chuyên trách (có thể là Trưởng thôn) chịu trách nhiệm trực tiếp thực hiện các hoạt động quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng công trình thủy lợi trên địa bàn xã (hình 4).

Hoàn thiện lại Quy chế hoạt động của các Tổ chức dùng nước trên cơ sở phát huy sự tham gia của người dùng nước thông qua đại hội người dùng nước để quyết định một số nội dung: trách nhiệm các thành viên, cơ chế tài chính, thành viên tổ thủy nông, phí thủy lợi nội đồng...



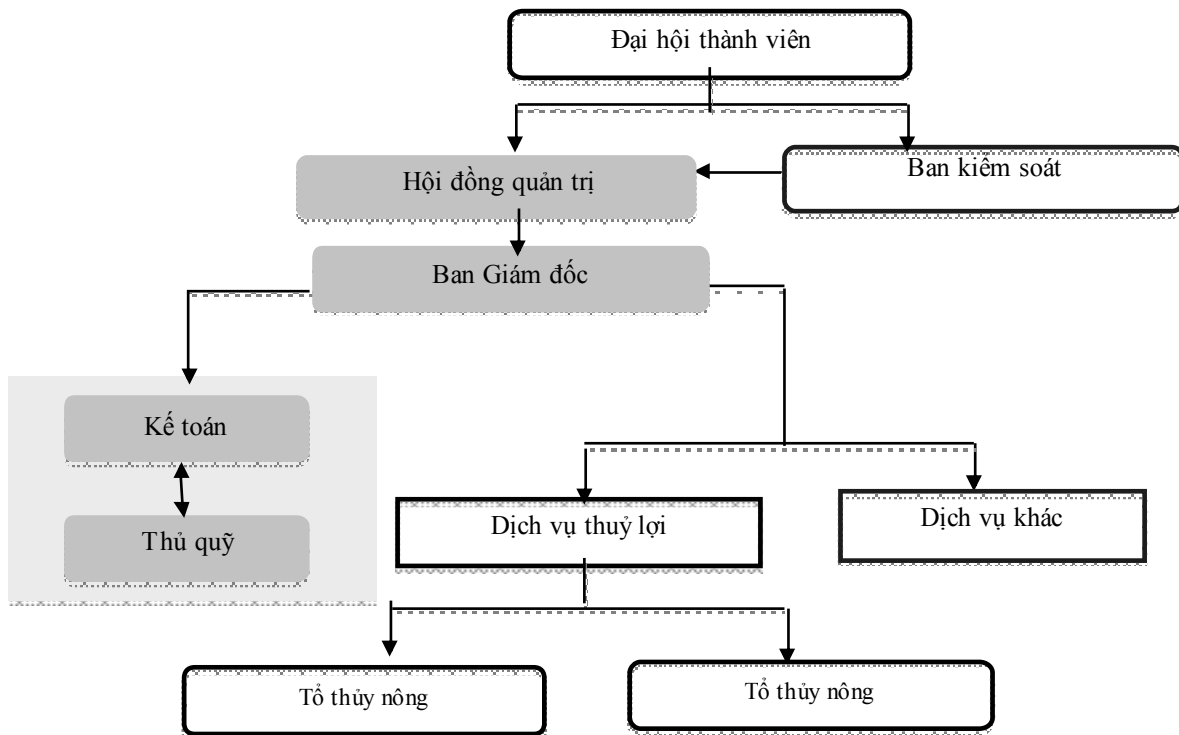
Hình 4. Sơ đồ tổ chức Ban quản lý thủy nông

b, *Thành lập mới các hợp tác xã nông nghiệp*

Loại hình Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp làm dịch vụ thủy lợi chưa được thành lập tại tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên, theo điều tra, đánh giá tại

một số địa phương của tỉnh, nhận thấy mô hình này có khả năng áp dụng được cho một số địa phương trong tỉnh như: một số xã có

trình độ quản lý tốt, một số địa phương có thế mạnh, tiềm năng về phát triển nông nghiệp cho thu nhập cao (cây quýt, thuốc lá).



Hình 5. Sơ đồ tổ chức và hoạt động của Hợp tác xã

Với hình thức tổ chức và hoạt động theo Luật Hợp tác xã mới (năm 2012), mô hình này sẽ phát huy được những thế mạnh về dịch vụ nông nghiệp và dịch vụ thủy lợi. Cơ cấu tổ chức của hợp tác gồm: Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, kế toán, thủ quỹ, các tổ thủy nông và các tổ dịch vụ khác.

3.4. Vai trò của các bên liên quan trong phát triển tổ chức dùng nước

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính cần phối hợp để xây dựng hướng dẫn liên sở về quản lý, vận hành công trình thủy lợi. Đồng thời phải xây dựng hướng dẫn cụ thể, chi tiết về trình tự lập, phê duyệt dự toán cấp bù thủy lợi phí, các thủ tục thanh quyết toán thủy lợi phí. Chủ trì xây dựng kế hoạch đào tạo, tập nâng cao năng lực về cả quản lý, vận hành công trình và quản lý tài

chính cho các tổ chức dùng nước.

Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và Phòng Tài chính phối hợp trong việc hướng dẫn các tổ chức dùng nước kê khai, nghiệm thu diện tích, các thủ tục thanh quyết toán thủy lợi phí cấp bù theo đúng quy định.

Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Tổ chức dùng nước rà soát, đánh giá các công trình thủy lợi, huy động người dân tham gia nạo vét, sửa chữa nhỏ công trình thủy lợi

Công ty TNHH MTV thủy nông hỗ trợ kỹ thuật, hướng dẫn quản lý vận hành công trình thủy lợi cho các tổ chức hợp tác dùng nước

Các Tổ chức dùng nước có trách nhiệm quản lý, vận hành các công trình được giao, sử dụng thủy lợi phí cấp bù đúng mục

đích, đảm bảo các công trình phát huy được hiệu quả.

3.5. Sự tham gia của người dân trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi

Do ít được tham gia các lớp tập huấn về vận hành, quản lý, duy tu bảo dưỡng công trình thủy lợi nên nhận thức về vai trò của người dân trong quản lý tưới còn hạn chế. Để huy động sự tham gia, cần tổ chức các lớp tập huấn về các kiến thức cơ bản về quản lý tưới có sự tham gia, về vận hành và bảo dưỡng công trình thủy lợi cho người sử dụng nước. Đồng thời thực hiện các biện pháp tuyên truyền thông qua các phương tiện như loa truyền thanh, tờ rơi... Các hoạt động đó giúp nâng cao nhận thức, năng lực cho người sử dụng nước, khuyến khích và phát huy được vai trò tham gia quản lý, góp phần nâng cao hiệu quả các công trình thủy lợi.

Đối với tỉnh Bắc Kạn, công trình thủy lợi rải rác trên phạm vi rộng, việc tiếp cận công trình khó khăn... Do đó, vai trò tham gia của người dân càng quan trọng và cần thiết khi họ được tham gia quản lý công trình thủy lợi phục vụ cho diện tích tưới của mình. Nâng cao nhận thức để người sử dụng nước phải có trách nhiệm phát hiện công trình bị hư hỏng, báo cho các đơn vị quản lý khai thác để sửa chữa kịp thời, tham gia bảo vệ, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khi được huy động.

4. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Tỉnh Bắc Kạn đã tích cực và chủ động trong việc thực hiện các chính sách của nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình thủy lợi, đảm bảo tưới chủ động cho 16.726 ha lúa các vụ, 4.440 ha màu, cây công nghiệp và ăn quả các loại, góp phần nâng cao hệ số sử dụng đất, nâng cao sản lượng, đảm bảo an ninh lương thực cho tỉnh. Tất cả các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã xây dựng được các tổ chức dùng nước quản lý, khai thác công trình thủy

lợi; đầu tư xây dựng mới, nâng cấp nhiều hạng mục công trình thủy lợi, kiên cố hóa hơn 90% km kênh mương;

Chính sách phân cấp quản lý công trình thủy lợi đã được thực hiện qua 3 quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, với phương châm phân rõ trách nhiệm, quyền hạn cho các đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi. Tuy nhiên, việc chưa đưa ra được những quy định phân cấp cụ thể: tiêu chí phân cấp, hướng dẫn phân cấp, định giá tài sản... dẫn đến nhiều tồn tại. Do đó, cần đưa ra được tiêu chí phân cấp cụ thể, đảm bảo các công trình ít phức tạp giao lại cho các tổ chức dùng nước quản lý và các công trình đều có chủ quản lý thực sự, xác định vị trí cống đầu kênh để phân giao trách nhiệm quản lý, vận hành cũng như sử dụng nguồn cấp bù thủy lợi phí.

Thực hiện cấp bù thủy lợi phí đã tạo thuận lợi cho công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, đảm bảo nguồn tài chính ổn định, giúp đơn vị quản lý chủ động hơn trong việc triển khai các hoạt động vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa công trình. Tuy nhiên, nhiều công trình thủy lợi vẫn chưa được cấp bù, các địa phương lúng túng trong việc thanh quyết toán nguồn thủy lợi phí. Cần mở rộng phạm vi cấp thủy lợi phí đối với các loại công trình, xây dựng hướng dẫn liên sở về quy trình cấp phát thủy lợi phí.

Mặc dù mô hình tổ chức dùng nước hiện nay còn hoạt động kiêm nhiệm, nhưng bộ máy tổ chức tinh gọn, có con dấu và tài khoản, sử dụng bộ máy nhân sự có chuyên môn gắn được vai trò, trách nhiệm của chính quyền trong công tác quản lý thủy nông cơ sở. Đây là mô hình phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay ở tỉnh, công trình thủy lợi có quy mô nhỏ, những nơi trình độ người dân còn hạn chế, chưa đủ năng lực, điều kiện để thành lập và quản lý các Tổ chức Hợp tác dùng nước hoàn chỉnh. Tuy nhiên, để phát huy hiệu quả hơn nữa của mô hình này, cần bổ sung thành viên

làm nhiệm vụ chuyên trách, phó ban chuyên trách, tổ thủy nông chuyên trách. Ngoài ra, cần xây dựng cơ chế quản lý tài chính, hướng dẫn minh bạch tránh những tiêu cực trong thu – chi có thể phát sinh do hoạt động kiêm nhiệm, cần tăng cường năng lực về công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi cho đội ngũ ban quản lý cũng như tổ thủy nông của Ban.

Đối với địa bàn tỉnh Bắc Kạn việc xây dựng mô hình quản lý thủy nông hoàn chỉnh cần có thời gian và quá trình thử nghiệm. Tuy nhiên, với một số vùng trong tỉnh có đặc thù tập quán canh tác, sản xuất và tính lịch sử để lại, việc

kết hợp kinh doanh các dịch vụ tổng hợp phục vụ sản xuất nông nghiệp, tạo điều kiện hỗ trợ lẫn nhau ở tỉnh cũng đang trên đà phát triển thì mô hình hợp tác giữa dịch vụ nông nghiệp và dịch vụ thủy lợi có khả năng đảm bảo hoạt động hiệu quả, bền vững.

Nhằm phát huy hiệu quả quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, cần phải tăng cường năng lực cho các Tổ chức dùng nước trên địa bàn tỉnh, ngoài ra, tỉnh cần có hướng dẫn cụ thể chi tiết về chính sách phân cấp, chính sách thủy lợi phí để các tổ chức dùng nước dễ thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Tổng cục thủy lợi. 2012. Báo cáo đánh giá thực trạng tổ chức và hoạt động của các Tổ chức Hợp tác dùng nước
- [2] Sở Nông nghiệp và PTNT Bắc Kạn, 2015, Báo cáo tình hình thực hiện phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi và tình hình quản lý, sử dụng thanh quyết toán nguồn cấp bù thủy lợi phí và kinh phí khắc phục hậu quả hạn hán
- [3] Trung tâm PIM, 2015, Báo cáo đánh giá thực trạng hoạt động và đề xuất giải pháp thúc đẩy các tổ chức quản lý thủy nông tỉnh Bắc Kạn